

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/DS-ST**

Ngày 14/03/2022

V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh ;

Bà Bùi Thị Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân, Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Bùi Bích Phượng.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 69/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Cụ Hoàng Thị H, sinh năm 1934; Địa chỉ: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

1.2. Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà Đặng Thị A, sinh năm 1963; Địa chỉ: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

1.3.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Vắng mặt tại phiên tòa.

1.3.3. Anh Đặng Hải C, sinh năm 1990; Có mặt tại phiên tòa.

1.3.4. Chị Đặng Thị Như D, sinh ngày 21/5/2004; Người đại diện hợp pháp cho chị Như D: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3.5. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1972; Có mặt tại phiên tòa.

1.3.6. Chị Đặng Phương F, sinh năm 2003; Vắng mặt tại phiên tòa.

1.3.7. Chị Đặng Phương G, sinh ngày 23/8/2006; Người đại diện hợp pháp chị Phương G: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1972; Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3.8. Ngân hàng X (AB); Địa chỉ: phường T, quận Ba Đình, TP. Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn K; Chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Thu L; Giám đốc Phòng Giao dịch Chèm – AB Chi nhánh Từ

Liêm; Địa chỉ: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; ; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật đề ngày 25/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn cụ Hoàng Thị H trình bày:

Cụ H có chồng là cụ Đặng Văn Q (Đã chết ngày 26/01/2020). Các cụ có 4 người con là Đặng Văn T, Đặng Thị A, Đặng Văn T1 (đã chết năm 2010), có vợ là chị Nguyễn Thị E và hai con là Đặng Phương F và Đặng Phương G và Đặng Văn Q1 (đã chết năm 2018), có vợ là Nguyễn Thị B và hai con là Đặng Hải C và Đặng Thị Như D.

Khi cụ Q còn sống, vợ chồng cụ có hộ khẩu riêng, ở riêng và không ở chung với các con nào. Trong quá trình chung sống vợ chồng cụ có tạo dựng được một số tài sản, trong đó có một cuốn sổ tiết kiệm có kỳ hạn, gửi tại AB - Chi nhánh Từ Liêm, có thông tin: Số sổ tiết kiệm: 00015498373, ngày gửi là 02/5/2019; Kỳ hạn: 12 tháng; Tên khách hàng: Đặng Văn Q, CMND: 010115889, ngày cấp 30/7/2010, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội và số tiền gửi trong sổ tiết kiệm là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Cụ Q chết không để lại di chúc, chưa chia số tiền trên cho bất cứ ai. Sau khi cụ Q qua đời, cụ H đã làm thủ tục rút tiền trong sổ tiết kiệm gửi nêu trên. Trong quá trình hoàn thiện thủ tục hồ sơ giấy tờ theo quy định của Ngân hàng, chỉ có ba người con là Đặng Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị E ký hồ sơ để cụ rút tiền. Riêng ông Đặng Văn T không hợp tác, không ký hồ sơ nên cụ không rút được số tiền tiết kiệm và lãi suất mà vợ chồng cụ đã gửi tại ngân hàng được. Trong thời gian gần hai năm qua, cụ và bà con họ hàng đã thuyết phục nhiều lần nhưng ông T không thay đổi.

Cụ H đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng cụ và chia thừa kế di sản của cụ Q là số tiền 400.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm và tiền lãi theo pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/02/2022 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, ông Đặng Văn T trình bày:

Ông không biết việc cụ Q có số tiền tiết kiệm 400.000.000 đồng gửi AB. Nếu cụ H nói trước với ông thì ông đã đồng ý kí để cụ rút tiền tiết kiệm ra. Tuy nhiên, cụ H lại đề nghị Tòa án chia số tiền trên theo pháp luật thì ông cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị không tham gia hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị E, chị Đặng Phương F và chị Đặng Phương G trình bày:

Bà E và các chị là vợ con của ông Đặng Văn T1 (Đã chết năm 2010), là con cháu của cụ Q, cụ H. Việc cụ H xin chia tài sản vợ chồng và di sản thừa kế là số tiền 400.000.000 đồng hiện gửi tại AB Phòng Giao dịch Chèm bà và các chị đã biết. Bà E và các chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và đảm bảo quyền lợi ích cho tất cả mọi người. Các chị F và Phương G vì lí do học tập, không thể đến Tòa án theo triệu tập để giải quyết vụ việc nên đề nghị Tòa án xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt và ủy quyền mọi việc giải quyết vụ việc này tại Tòa án các cấp như giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, đưa ra các ý kiến, quyết định về việc giải quyết vụ việc cho mẹ các chị là bà Nguyễn Thị E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị B, anh Đặng Hải C và chị Đặng Thị Như D trình bày:

Bà B và các anh chị là vợ con của ông Đặng Văn Q1 (Đã chết năm 2018) là con cháu của cụ Q, cụ H. Việc cụ H xin chia tài sản vợ chồng và di sản thừa kế là số tiền 400.000.000 đồng hiện gửi tại AB Phòng Giao dịch Chèm bà và các anh chị đã biết. Bà B và các anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và đảm bảo quyền lợi ích cho tất cả mọi người. Bà Nguyễn Thị B và chị Đặng Thị Như D là em gái của anh Đặng Hải C vì lí do công việc và học tập không thể đến Tòa án theo triệu tập để giải quyết vụ việc nên đề nghị Tòa án xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt. Bà B và chị Như D xin ủy quyền mọi việc giải quyết vụ việc này tại Tòa án các cấp như giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, đưa ra các ý kiến, quyết định về việc giải quyết vụ việc cho anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị A trình bày:

Bà là con đẻ của cụ Đặng Văn Q (Đã chết ngày 26/01/2020) và cụ Hoàng Thị H. Cụ Q, cụ H có gửi tại AB - Chi nhánh Từ Liêm số tiền tiết kiệm là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Cụ Q đã chết không để lại di chúc, chưa chia số tiền trên cho bất cứ ai. Sau khi cụ Q chết, cụ H rút tiền trong sổ tiết kiệm nhưng ông T không hợp tác, không cho cụ rút tiền tiết kiệm, họ hàng cũng đã thuyết phục nhiều lần nhưng ông T không đồng ý. Bà A đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của cụ H theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ngân hàng X trình bày:

Cụ Đặng Văn Q có gửi số tiền tiết kiệm là 400.000.000 đồng. Thông tin về sổ tiết kiệm như cụ H khai tại Tòa án là đúng. Sau khi cụ Q chết, cụ H có đề nghị rút tiền gửi của cụ Q nhưng có một người con của các cụ là ông T không ký đồng ý cho cụ H rút tiền gửi nên AB không thể trả tiền cho cụ H được. Số tiền gửi tại AB hiện có 400.000.000 đồng và lãi là 55.472.400 đồng (Tính đến ngày 11/3/2022). Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được, AB đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên tại sổ tiết kiệm.

Tại phiên tòa:

- Cụ H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ và cụ Q và chia thừa kế phần di sản của cụ Q để lại trong sổ tiết kiệm tại AB là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Ông T, bà A, bà E, anh C đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của cụ H theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho các đương sự trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc :

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ Q, cụ H là số tiền gửi 400.000.000 đồng và tiền lãi 55.472.400 đồng (tính đến ngày 11/3/2022); Chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ Q và cụ H mỗi người được một nửa; Di sản thừa kế của cụ Q được chia thành 5 phần; cụ H, ông T, bà A mỗi người được hưởng một phần là 40.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng; anh C, chị Như D, chị F, chị Phương G mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ phần là 20.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng; Miễn án phí cho cụ H, ông T, bà A, anh C, chị Như D, chị F, chị Phương G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Các đương sự trong vụ án cư trú tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt bà B, chị Như G, chị Phương F: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B, chị Như G, chị Phương F đã có lời khai, đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt họ nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà B, chị Như G, chị Phương F.

[2] Về nội dung:

2.1. Cụ H đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng giữa cụ và cụ Q và chia thừa kế phần di sản của cụ Q để lại trong sổ tiết kiệm là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật. Cụ H và cụ Q kết hôn năm 1953 có tổ chức hôn lễ, chung sống từ khi kết hôn đến khi cụ Q chết (năm 2020, có 05 người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành thì hôn nhân của các cụ là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của cụ H:

Cụ Q đã gửi tiết kiệm số tiền 400.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm số: 00015498373, ngày gửi là 02/5/2019, với mang tên cụ Q và số tiền lãi là 55.472.400 đồng (tính đến ngày 11/3/2022). Số tiền trong sổ tiết kiệm là tài sản chung của hai cụ trong thời kỳ hôn nhân nên cụ H yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ Q và cụ H có căn cứ theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận. Theo đó Chia tài sản chung vợ chồng mỗi cụ được chia số tiền là 200.000.000 đồng và số tiền lãi là 27.736.200 đồng

2.3. Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H với cụ Q :

- Cụ Q chết năm 2020 và không để lại di chúc, đơn khởi kiện của cụ H trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Q gồm số tiền 200.000.000 đồng và số tiền lãi là 27.736.200 đồng (Tính đến ngày 11/3/2022).

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q gồm: cụ H, ông T, bà A, ông T1 (đã chết năm 2010) có thừa kế thế vị là các chị F và Phương G, ông Q1 (đã chết năm 2018) có thừa kế thế vị là anh C và chị Như D. Các đương sự đều đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Q theo quy định của pháp luật. Theo đó di sản thừa kế của cụ Q được chia thành 05 phần bằng nhau, mỗi phần là số tiền gửi 40.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 11/3/2022 là 5.547.240 đồng. Trong đó: cụ H, bà A, ông T mỗi người được hưởng một phần; anh C, chị Như D được hưởng thừa kế thế vị của ông Q1, chị F, chị Phương G được hưởng thừa kế thế vị của ông T1 - mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ phần là 20.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng là 2.773.620 đồng.

[3] Về án phí: Cụ H đã 88 tuổi – là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí, bà A, ông T và các anh chị C, Như D, F, Phương G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các điều 623, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ Hoàng Thị H và cụ Đặng Văn Q và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đặng Văn Q của cụ Hoàng Thị H.

2. Xác định tài sản chung của cụ Q, cụ H là số tiền 400.000.000 đồng và số tiền lãi là 55.472.400 đồng (Tính đến ngày 11/3/2022) theo Sổ tiết kiệm số: 00015498373, ngày 02/5/2019 của Ngân hàng X – Chi nhánh Từ Liêm – Phòng Giao dịch Chèm mang tên người gửi là cụ Đặng Văn Q. Chia tài sản chung vợ chồng của cụ H, cụ Q mỗi cụ được chia số tiền gửi 200.000.000 đồng và số tiền lãi là 27.736.200 đồng (Tính đến ngày 11/3/2022).

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Q gồm số tiền gửi 200.000.000 đồng và số tiền lãi là 27.736.200 đồng (Tính đến ngày 11/3/2022) tại Sổ tiết kiệm số: 00015498373, ngày 02/5/2019 nêu trên. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q gồm 05 người: cụ H, ông T, bà A, ông T1 (đã chết năm 2010) thừa kế thế vị của ông T1 là các chị Đặng Phương F và Đặng Phương G, ông Q1 (đã chết năm 2018), thừa kế thế vị của ông Q1 là anh Đặng Hải C và chị Đặng Như D. Chia cụ thể:

- Cụ H, ông T, bà A mỗi người được hưởng một phần số tiền gửi 40.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 11/3/2022 là 5.547.240 đồng.

- Anh C, chị Như D, chị F, chị Phương G mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ phần là 20.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.773.620 đồng.

Kể từ ngày 12/03/2022, các đương sự tiếp tục được hưởng lãi suất của số tiền gửi được chia theo lãi suất được thỏa thuận trong Sổ tiết kiệm số: 00015498373, ngày 02/5/2019 nêu trên và quy định của Ngân hàng X về lãi suất tiền gửi tiết kiệm đến khi nhận được toàn bộ số tiền gửi được chia.

4. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Cụ H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà A phải nộp 2.278.000 đồng, anh C, chị Như D, chị F, chị Phương G mỗi người phải nộp 1.139.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND; CC THADS Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ; Văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan